

Vv: Bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường  
niên năm 2024.

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

Trụ sở chính: Sàn thương mại, dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 08 66885958

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

Mã chứng khoán: CFM

Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng/cổ phiếu

Sàn giao dịch: UPCOM

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Nhâm

Loại thông tin công bố:  Định kỳ  Bất thường  24h  Theo yêu cầu

### **Nội dung công bố thông tin:**

- Bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/05/2024 tại đường dẫn: <https://vi.cfminvestment.com/investorrelation>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi
- Lưu VP

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN



NGUYỄN THỊ NHÂM

Số: 04/2024/TT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2024

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị và bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029 của Công ty

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư CFM;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

### 1. Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Do công ty thực hiện giải thể Ban Kiểm soát và thành lập Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị, để đảm bảo hiệu quả quản trị công ty, công ty đề xuất tăng số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 người lên 05 người. Trong đó, cơ cấu thành viên HĐQT phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành (thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty). Số lượng thành viên HĐQT độc lập của công ty phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên.

### 2. Bầu thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông bầu 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024 – 2029.

Theo Thông báo đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 12/04/2024, kể từ thời điểm thông báo đến thời hạn đề cử, ứng cử cuối cùng trước khi khai mạc Đại hội, Công ty đã nhận được hồ sơ đề cử, ứng cử của các ứng viên tham gia bầu vào vị trí thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029 như sau:

- Ông: Nguyễn Quốc Trung do cổ đông Công ty cổ phần Alchemist Investments Holdings đề cử;
- Bà: Trần Thùy Linh do cổ đông Công ty cổ phần Alchemist Investments Holdings đề cử;
- Ông: Ngô Việt Hưng do cổ đông Công ty cổ phần Alchemist Investments Holdings đề cử;



4. Ông: Vũ Thanh Hùng do cổ đông Công ty cổ phần Alchemist Investments Holdings đề cử;

5. Bà: Phùng Thị Mai Anh do cổ đông Công ty cổ phần Alchemist Investments Holdings đề cử.

Thông tin về các ứng viên này đã được gửi đến Quý Cổ đông trong tài liệu Đại hội. Đại hội sẽ tiến hành thủ tục bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- GD;
- Lưu VP.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

**NGUYỄN QUỐC TRUNG**





## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Về việc xóa bỏ, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được sửa đổi bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

Qua rà soát ngành nghề kinh doanh, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc điều chỉnh phạm vi hoạt động và bổ sung một số ngành nghề kinh doanh của Công ty.

### I. THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

#### 1. Xóa bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Mã ngành chính
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	<input type="checkbox"/>
2	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục <i>Chi tiết:</i> - Tư vấn giáo dục, dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560	<input checked="" type="checkbox"/>

#### 2. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Mã ngành chính
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669	<input type="checkbox"/>



2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620	<input type="checkbox"/>
3	Đào tạo sơ cấp	8531	<input type="checkbox"/>
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết:</i> - <i>Kinh doanh bất động sản (Theo Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)</i> - <i>Hoạt động quản lý nhà, chung cư (Điều 105 Luật Nhà ở năm 2014).</i>	6810	<input checked="" type="checkbox"/>
5	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục <i>Chi tiết:</i> - <i>Tư vấn giáo dục, dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.</i>	8560	<input type="checkbox"/>

## II. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Sửa đổi Điều 3 về ngành, nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty phản ánh việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh theo danh mục ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau sửa đổi đã trình bày tại mục I nêu trên.

## III. THỰC HIỆN

Thông qua việc ủy quyền cho Giám đốc triển khai các công việc liên quan đến thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau:

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, bao gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, nghề đã được ĐHCĐ thông qua tại tờ trình này;
- Thực hiện các công việc khác liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

**Kính trình Đại hội xem xét thông qua!**



**NGUYỄN QUỐC TRUNG**

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;

Nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty tại Tờ trình số 03/2024/TT-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2024 và kịp thời cập nhật, áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành phù hợp với thực tế hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung có liên quan tại Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Cập nhật các nội dung liên quan để phù hợp với thực tế hoạt động của công ty theo Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi Luật Doanh nghiệp;
- Sửa đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty và những nội dung liên quan; Bỏ các quy định về Ban Kiểm soát; Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ủy ban Kiểm toán nội bộ và sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tới việc thành lập Ủy ban Kiểm toán nội bộ theo nội dung thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý đã được HĐQT trình ĐHĐCĐ theo tờ trình Số: 03/2024/TT-ĐHĐCĐ.
- Sửa đổi Khoản 2.1 Điều 2 Điều lệ công ty theo tên Tiếng Anh đã được HĐQT trình ĐHĐCĐ theo tờ trình
- Sửa đổi các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chi tiết nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty tại Phụ lục của Tờ trình này.

**Kính trình Đại hội xem xét thông qua!**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- GD;
- Lưu VP.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**NGUYỄN QUỐC TRUNG**

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 - Công ty Cổ phần Đầu tư CFM

**PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM**

(Đính kèm Tờ trình số 09/TT-DHĐCD, ngày 4 tháng 5 năm 2024)

**Ghi chú:**

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành”
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi”
- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Các nội dung chi thay đổi **Số thứ tự** do chỉnh sửa, bổ sung, thêm bớt một số điều sẽ không được nêu chi tiết trong Phụ lục này
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán .
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.



NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH		NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI		LÝ DO SỬA
PHẦN MỞ ĐẦU		PHẦN MỞ ĐẦU		
<p>Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu tư CFM thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 04 năm 2021.</p>		<p>Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu tư CFM thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 05 tháng 05 năm 2024.</p>		<p>Cập nhật thời gian và phiên họp DHDCD thông qua Điều lệ</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dầu tư CFM ngày 25/04/2021.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dầu tư CFM ngày 05/05/2024.</li> </ul>		<p>Chính sửa căn cứ nghị quyết DHDCD thông qua Điều lệ</p>
<b>CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY</b>				
<p>2.1.1. Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty</p>		<p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty</p>		
<p>2.2. Tên Công ty:</p>		<p>2.1. Tên Công ty:</p>		
<p>Tên tiếng Việt: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TƯ CFM</b></p>		<p>Tên tiếng Việt: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TƯ CFM</b></p>		
<p>Tên tiếng Anh: <b>CFM JOINT STOCK COMPANY</b></p>		<p>Tên tiếng Anh: <b>CFM PRIVATE EQUITY STOCK COMPANY</b></p>		<p>Sửa đổi tên Tiếng Anh của Công ty theo Tờ trình số 07/2024/TT-DHDCD</p>

Tên viết tắt:	Tên viết tắt:	
2.3. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.	2.2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.	
2.4. Trụ sở đăng ký của Công ty:	2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Địa chỉ: Sàn thương mại, dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Địa chỉ: Sàn thương mại, dịch vụ tầng 02 (A2-6-02), Dự án Ngôi sao An Bình 2 (An Bình City), Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Điện thoại: 08 6688 5958</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Điện thoại: 08 6688 5958</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>Website: <a href="https://www.cfminvestment.com">https://www.cfminvestment.com</a></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Website: <a href="https://www.cfmpriivateequity.com">https://www.cfmpriivateequity.com</a></li> </ul>	
<p><b>2.5. CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b></p>	<p><b>CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b></p>	
<p><b>2.5.1. Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý</b></p>	<p><b>Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý</b></p>	<p>Sửa đổi Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty (mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật</p>
<p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p>	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:</p>	
<p>(a) Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>a. Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>(b) Hội đồng quản trị;</p>	<p>b. Hội đồng quản trị;</p>	
<p>(c) Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc;</p>	<p>c. Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc;</p>	

<p>(d) Ban kiểm soát.</p>		<p>Doanh nghiệp) theo Tờ trình Số: 03/2024/TT- DHDCCD</p>
<p><b>2.6. CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p>	<p><b>CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b></p>	
<p><b>2.6.1. Điều 13. Quyền của cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 13. Quyền của cổ đông</b></p>	
<p><b>2.6.2.</b> a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị; báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.</p>		<p>Bỏ nội dung này</p>
<p><b>2.6.3.</b> Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>		<p>Bỏ nội dung này</p>
<p><b>2.6.4. Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>15.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	<p>15.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ</p>	



	sau đây:	
a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;	Thông qua định hướng phát triển của Công ty;	
b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;	Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;	
c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;	Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;	
d. Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản (ngoài sản phẩm kinh doanh) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	Quyết định dự án đầu tư hoặc bán tài sản (ngoài sản phẩm kinh doanh) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	
e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ các trường hợp sau được phép uỷ quyền cho Hội đồng quản trị:	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ các trường hợp sau được phép uỷ quyền cho Hội đồng quản trị:	
(*) điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo phương án phát hành cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	(*) điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty hoặc theo phương án phát hành cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	
(*) điều chỉnh các nội dung của điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;	(*) điều chỉnh các nội dung của điều lệ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;	
f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;	Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;	

<p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;</p>	<p>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;</p>	
<p>h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p>	<p>Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p>	
<p>i. Quyết định tổ chức lại (thay đổi cơ cấu tổ chức đã quy định tại Điều 12 của Điều lệ), giải thể Công ty;</p>	<p>Quyết định tổ chức lại (thay đổi cơ cấu tổ chức đã quy định tại Điều 12 của Điều lệ), giải thể Công ty;</p>	
<p>j. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</p>	
<p>15.3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và</p>	<p>15.3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a.Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b.Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c.Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d.Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);</p> <p>e.Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán và thành viên Ủy ban kiểm toán;</p> <p>f.Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g.Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h.Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản</p>	



<p>lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tò chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản (ngoài sản phẩm kinh doanh) có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;</p> <p><b>2.6.5. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều</b></p>	<p>trị;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tò chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản (ngoài sản phẩm kinh doanh) có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12</p>	
---	--	--



<p>lệ này.</p>	<p>năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p><b>2.6.6. Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>2.6.7. d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc;</p>	<p>d. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p>	
<p>2.6.8. e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên</p>	<p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán và của từng thành viên của Ủy ban kiểm toán</p>	
<p><b>2.6.9. d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</b></p>		<p>Bổ nội dung này</p>
<p>17.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p>	<p>17.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p>	
<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điều 17.3(b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 17.3(c) hoặc 17.3(d). Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giám quá</p>	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điều 17.3(b) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 17.3(c) hoặc 17.3(d). Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành</p>	

<p>một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p>	<p>viên Hội đồng quản trị bị giám quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p>	
<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 17.4(a) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p>		<p>Bỏ nội dung này</p>
<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 17.4(b) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 17.3(c) có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 17.4(a) thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 17.3(c) có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p><b>2.6.10. Điều 19. Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 19. Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p>19.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa (với cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập), Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất hoặc Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, hoặc người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>19.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa (với cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập), Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất hoặc Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, hoặc người ký tên triệu tập</p>	



<p>Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc nhiều thư ký để lập biên bản đại hội. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p><b>i hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</b></p>	<p>họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một hoặc nhiều thư ký để lập biên bản đại hội. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
<p><b>2.7. Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	
<p><b>2.8.</b> 20.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự</u> tán thành:</p>	<p>20.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <b>tham dự và biểu quyết</b> tại cuộc họp tán thành:</p>	<p>Sửa theo Luật số 03/2022/QH15</p>
<p>2.9.</p>	<p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	
<p>2.10.</p>	<p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p>	
<p>2.11.</p>	<p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p>	
<p>2.12.</p>	<p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	



<p>2.13.</p> <p>20.3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>đủ</u> họp tán thành, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo 1 trong 2 phương thức sau:</p>	<p>e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>20.3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <b>tham dự và biểu quyết</b> tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo 1 trong 2 phương thức sau:</p>	<p>Sửa theo Luật số 03/2022/QH15</p>
<p>(a) Phương thức bầu đơn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền đơn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>(b) Phương thức khác: Theo đề xuất của Hội đồng Quản trị đương nhiệm và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý với tỷ lệ <b>trên 50%</b> số phiếu có quyền biểu quyết của các đại biểu <u>tham dự</u>, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức biểu quyết thông thường và các thành viên trúng cử nếu được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý với tỷ lệ <b>trên 50%</b> số phiếu có quyền biểu quyết của các đại biểu <u>tham dự</u>.</p>	<p>(a) Phương thức bầu đơn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền đơn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>(b) Phương thức khác: Theo đề xuất của Hội đồng Quản trị đương nhiệm và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý với tỷ lệ <b>trên 50%</b> số phiếu có quyền biểu quyết của các đại biểu <b>tham dự và biểu quyết</b>, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức biểu quyết thông thường và các thành viên trúng cử nếu được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết đồng ý với tỷ lệ <b>trên 50%</b> số phiếu có quyền biểu quyết của các đại biểu <b>tham dự và biểu quyết</b></p>	
<p>2.14. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số</p>	<p>Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng</p>	

<p>phiếu bầu như nhau cho thành viên còn lại của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.</p>	<p>số phiếu bầu như nhau cho thành viên còn lại của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.</p>
<p><b>2.15. CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p><b>CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>
<p><b>2.15.1. Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p>
<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p>
<p>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty.</p>	<p>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p>
<p><b>Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p>	<p><b>Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p>
<p>c. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có);</p>	<p>c. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập</p>
<p>Đại số thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Bổ nội dung này</p>
<p>ông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương</p>	<p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, thư điện tử</p>



<p>tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty và tới Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết).</p>	<p>hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty</p>	
<p>c cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất <b>ba phần tư</b> số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. <b>Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 03 người thì tối thiểu có 02 thành viên tham gia.</b></p>	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất <b>ba phần tư</b> số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p>	
<p><b>Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng Quản trị</b></p>		
<p>uân bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;</p>	<p>uân bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị</p>	
<p>ng cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;</p>	<p>ng cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;</p>	
<p>3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:</p>	<p>31.3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:</p>	
<p>Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;</p>	<p>a. Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p>	



## CHƯƠNG VII. BAN KIỂM SOÁT

### Điều 34: Ban kiểm soát

34.1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là không quá năm (05) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

34.2. Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- d. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh

Bộ nội dung này

<p>giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
<p>e. Xem xét số kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này.</p>	
<p>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p>	
<p>g. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
<p>h. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
<p>i. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	

<p>j. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>k. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>	
<p>l. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p>	
<p>m. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p>	
<p>n. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>34.3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc và Cán bộ chủ chốt phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty phục vụ cho việc thực thi quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p>	
<p>34.4. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát</p>	



<p>được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	
<p>34.5. Thủ lao, tiền thưởng cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	

<p>34.6. Ngoài ra Ban kiểm soát còn có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</li> <li>Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</li> <li>Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.</li> <li>Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.</li> <li>Tương hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi</li> </ol>	
---	--

<p>phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khác phục hậu quả.</p> <p>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>		
<p><b>Điều 35: Thành viên Ban kiểm soát</b></p>		
<p>35.1. Ban kiểm soát gồm ba (03) thành viên gồm Trưởng Ban kiểm soát và hai (02) Thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p>		
<p>35.2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc</p>		



**chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.**

35.3. Ban kiểm soát phải bầu ra một thành viên trong số họ làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để phục vụ cho hoạt động của thành viên của Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đó tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- d. Trưởng ban kiểm soát được quyền tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nhưng không được quyền biểu quyết;
- e. Trưởng ban kiểm soát có quyền thay mặt Ban kiểm soát kiến nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi có lý do tin tưởng và bằng chứng chứng minh rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cán bộ chủ chốt cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ, hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

35.4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định

<p>của pháp luật:</p>		
<p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác.</p>		
<p>c. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.</p>		
<p>d. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p>		
<p>35.5. Trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát:</p>		
<p>a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p>		
<p>b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.</p>		
<p>c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p>		
<p>d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ</p>		



<p>Công ty.</p>		
<p>e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản (a), (b), (c), và (d) Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.</p>		
<p>f. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản (c) Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.</p>		
<p>g. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>		
<p>35.6. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>		
<p>a. Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát;</p>		
<p>b. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;</p>		
<p>c. Thành viên đó vắng mặt không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong vòng sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>		
<p>d. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>		

<p>35.7. Các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát và đơn phiếu bầu cho người do họ đề cử. Nếu Đại hội đồng cổ đông không quyết định khác thì số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:</p>		
<p>a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;</p>		
<p>b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;</p>		
<p>c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử toàn bộ ứng cử viên;</p>		
<p><b>Điều 36. Công khai các lợi ích liên quan</b></p>		
<p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành (được sửa đổi tùy từng thời điểm).</p>		
	<p><b>ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p>	<p>Bổ sung các quy định liên quan đến Ủy ban kiểm toán để đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức và quản lý</p>



		theo Tờ trình Số: 03/2024/TT- DHDCD
	<b>Điều 34: Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</b>	
	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.</li><li>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</li></ol>	
	<b>Điều 35. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</b>	
	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</li><li>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:<ol style="list-style-type: none"><li>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</li><li>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</li></ol></li><li>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh</li></ol>	

	doanh.	
	<b>Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</b>	
	<p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</li> <li>2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</li> <li>3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</li> <li>4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.</li> <li>5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</li> <li>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</li> </ol>	
	<b>Điều 37. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</b>	



	<p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p>	
	<p><b>Điều 38. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;</p>	

	<p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;</p> <p>e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông;</p>	
<p><b>CHƯƠNG IX. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b></p>	<p><b>CHƯƠNG IX. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b></p>	
<p><b>Điều 38. Phân phối Lợi nhuận</b></p> <p>b.Trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quyết định theo mức của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tùy từng thời điểm;</p>	<p><b>Điều 39. Phân phối Lợi nhuận</b></p> <p>b.Trả thù lao cho Hội đồng quản trị theo quyết định theo mức của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tùy từng thời điểm;</p>	
<p><b>CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b></p>	
<p>47.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các</p>	<p>47.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền</p>	



<p>cổ đông phát sinh từ Điều lệ này, giữa:</p>	<p>và nghĩa vụ của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này, giữa:</p>	
<p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ chủ chốt.</p>	<p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Giám đốc hay Cán bộ chủ chốt.</p>	
<p><b>CHƯƠNG XIV. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XIV. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ</b></p>	
<p><b>Điều 49. Ngày hiệu lực</b></p>	<p><b>Điều 50. Ngày hiệu lực</b></p>	
<p>49.1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ <b>ngày 25 tháng 04 năm 2021</b></p>	<p>50.1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ <b>ngày 05 tháng 05 năm 2024</b></p>	<p>Cập nhật ngày thông qua Điều lệ</p>
<p>49.2. Bản điều lệ này gồm 14 chương, 50 Điều. Sau khi Điều lệ này có hiệu lực, Điều lệ trước đó của Công ty sẽ không còn hiệu lực.</p>	<p>50.2. Bản điều lệ này gồm 14 chương, 50 Điều. Sau khi Điều lệ này có hiệu lực, Điều lệ trước đó của Công ty sẽ không còn hiệu lực.</p>	

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

## Về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

Nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty tại Tờ trình số 03/2024/TT-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2024 và kịp thời cập nhật, áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành phù hợp với thực tế hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung có liên quan tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Sửa đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty và những nội dung liên quan; Bỏ các quy định về Ban Kiểm soát; Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ủy ban Kiểm toán nội bộ và sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tới việc thành lập Ủy ban Kiểm toán nội bộ theo nội dung thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý đã được HĐQT trình ĐHĐCĐ theo tờ trình Số: 03/2024/TT-ĐHĐCĐ.
- Sửa đổi các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chi tiết nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tại Phụ lục của Tờ trình này.

**Kính trình Đại hội xem xét thông qua!**

**Nơi nhận:**

- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- GD;
- Lưu VP.



NGUYỄN QUỐC TRUNG



**PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM**

(Đính kèm Tờ trình số 10/TT-DHĐCD, ngày 4 tháng 5 năm 2024)

**Ghi chú:**

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị"
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục "Nội dung đề nghị sửa đổi"
- Luật Doanh nghiệp 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Các nội dung chi thay đổi **Số thứ tự** do chỉnh sửa, bổ sung, thêm bớt mới số điều sẽ không được nêu chi tiết trong Phụ lục này
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.
- Thông tư 116/2020/TT – BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư CFM.

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA
----------------------------	--------------------------	-----------

<p><b>1. CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG</b></p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	<p><b>2. CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG</b></p> <p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p>	
<p>1. Phạm vi áp dụng: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho công ty, cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành doanh nghiệp của công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này, tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty đại chúng.</p>	<p>1. Phạm vi áp dụng: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho công ty, cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp của công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này, tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến công ty đại chúng.</p>	
<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;</li> <li>- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;</li> <li>- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ</li> </ul>	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;</li> <li>- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;</li> </ul>	



<p>đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;</li> <li>- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;</li> <li>- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;</li> <li>- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;</li> <li>- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;</li> <li>- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</li> </ul>	
<p><b>Điều 5. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>f. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.</p>	<p><b>Điều 5. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>f. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.</p>	
<p><b>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	<p><b>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	
<p><b>3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	<p><b>3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	

<p>d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	<p>d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát.</p> <p>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.</p>		<p><b>Bổ nội dung này</b></p>

f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

### CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

### CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

a. d. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Điều 12.** Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Bổ sung các quy định liên quan đến Ủy ban kiểm toán để đảm bảo phù hợp với cơ cấu tổ chức và quản lý

#### 3. Thành phần ủy ban kiểm toán

Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán;



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</li> <li>- Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</li> <li>+ Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</li> </ul> </li> <li>- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp [Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].</li> <li>- Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</li> <li>- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ủy ban kiểm toán, thành viên Ủy ban kiểm toán theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.</li> </ul>	
	<p><b>4. Cuộc họp ủy ban kiểm toán</b></p>	
	<p>Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên</p>	

	<p>Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p>	
	<p><b>3. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán;</b></p> <p>a. Giám sát tình trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;</p> <p>b. Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;</p> <p>c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán đề Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;</p> <p>f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;</p> <p>g. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;</p> <p>h. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình</p>	

	<p>hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>i. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>k. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;</p> <p>l. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;</p> <p>m. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>n. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>o. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ công ty.</p>	
<p><b>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT</b></p>		<p>Bộ nội dung này</p>



<p>Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Điều lệ Công ty, và các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc trong việc quản lý và điều hành công ty.</p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản</p>		<p>Bộ nội dung này</p>
--	--	------------------------

2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

## 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

a. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Và các trách nhiệm sau:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không làm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi



phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Trường hợp vi phạm quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

c. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị đề trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

**1. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

a. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

b. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số thành viên Ban kiểm soát biểu quyết thông qua. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu

thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Danh sách ứng viên Ban kiểm soát sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

## **2. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;**

Cách thức biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.

## **3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, và bổ sung thành viên Ban Kiểm soát**

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

c. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

<p>để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số lượng thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định.</p> <p><b>4. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</b></p> <p>Thông báo về việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện tương tự quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này.</p> <p><b>5. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát.</b></p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty.</p>		
<p align="center"><b>5. CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)</b></p> <p><b>Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc).</b></p>		
<p>1. Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp</p>	<p><b>Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc</b></p> <p>1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị</p>	



<p>luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	<p>và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	
--	--	--

<p>c. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.</p> <p>Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p>	<p>c. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.</p> <p>Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p>	
<p><b>Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):</b></p> <p><b>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b></p> <p>a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc (Tổng Giám đốc).</p> <p>b. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>c. Giám đốc (Tổng Giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều</p>	<p><b>Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc:</b></p> <p><b>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc</b></p> <p>a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc</p> <p>b. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>e. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều</p>	

<p>Kiểm theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>d. Giám đốc hoặc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</li> </ul>	<p>Kiểm theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>f. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp</li> <li>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</li> </ul>
<p><b>2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b></p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng Giám đốc); Ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.</p> <p><b>3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b></p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự hợp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p> <p><b>4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b></p> <p>Thông báo về việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải được thực hiện tương tự quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này.</p> <p><b>5. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b></p> <p>Giám đốc (Tổng giám đốc) được trả lương và thưởng. Tiền lương</p>	<p><b>2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc</b></p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; Ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.</p> <p><b>3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc</b></p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự hợp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p> <p><b>4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc</b></p> <p>Thông báo về việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc phải được thực hiện tương tự quy định tại khoản 4 Điều 10 Quy chế này.</p> <p><b>5. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc</b></p>



<p>và thường của Giám đốc (Tổng Giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	
<p align="center"><b>7. CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</b></p> <p><b>Điều 4. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.</li> <li>Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.</li> <li>Chủ tịch Hội đồng quản trị mời thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.</li> <li>Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</li> <li>Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường</li> </ol>	<p align="center"><b>8. CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH</b></p>	<p align="center"><b>Bổ nội dung này</b></p>

hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành**

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trường ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trường ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.

4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị

**Bổ nội dung  
này**

<p>phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.</p>		
<p><b>9. CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LỤAT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC/ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.</b></p>	<p><b>10. CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LỤAT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC VỊ TRÍ ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.</b></p>	
<p><b>Điều 21. Đánh giá hoạt động</b></p>	<p><b>Điều 21. Đánh giá hoạt động</b></p>	<p><b>Bổ nội dung này</b></p>
<p>2. Trưởng ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Thành viên Ban kiểm soát.</p>		
<p>3. Giám đốc (Tổng Giám đốc) chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.</p>	<p>3. Giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.</p>	
<p><b>Điều 22. Khen thưởng</b></p>	<p><b>Điều 22. Khen thưởng</b></p>	
<p>1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ. 2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị; thành viên</p>	<p>1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ. 2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị</p>	



<p>Ban kiểm soát, sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	
<p><b>Điều 23. Xử lý vi phạm và kỷ luật</b></p>	<p><b>Điều 23. Xử lý vi phạm và kỷ luật</b></p>	
<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p><b>11. CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.</p> <p><b>12. CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b></p>	

**Điều 25. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 8 chương, 25 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu tư CFM thông nhất thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Dầu tư CFM chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**Điều 25. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 8 chương, 25 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu tư CFM thông nhất thông qua ngày 05 tháng 05 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị

3. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Dầu tư CFM chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

## Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

Nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới của Công ty tại Tờ trình số 03/2024/TT-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2024 và kịp thời cập nhật, áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành phù hợp với thực tế hoạt động của công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung có liên quan tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Sửa đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty và những nội dung liên quan; Bỏ các quy định về Ban Kiểm soát; Bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ủy ban Kiểm toán nội bộ và sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tới việc thành lập Ủy ban Kiểm toán nội bộ theo nội dung thay đổi cơ cấu tổ chức và quản lý đã được HĐQT trình ĐHĐCĐ theo tờ trình Số: 03/2024/TT-ĐHĐCĐ.
- Sửa đổi các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Chi tiết nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty tại Phụ lục của Tờ trình này.

**Kính trình Đại hội xem xét thông qua!**

## Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- GD;
- Lưu VP.



NGUYỄN QUỐC TRUNG



PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CFM

(Đính kèm Tô trình số 11/TT-DHĐCĐ, ngày 4 tháng 5 năm 2024)

Ghi chú:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;
- Căn cứ Nghị quyết số .../.../ngày .../... của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư CFM;

<p style="text-align: center;"><b>NỘI DUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HIỆN HÀNH</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>LÝ DO SỬA</b></p>
<p><b>1. Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập (nếu có) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	
<p><b>2. Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>3.Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nếu có) tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.</p>	<p><b>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>3.Thành viên độc lập Hội đồng quản trị tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan.</p>	
<p><b>3. Điều 12.Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</b></p> <p>1.Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện</p>	<p><b>Điều 12.Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</b></p> <p>1.Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến</p>	

<p>giao dịch đầu tiên có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán và soát xét gần nhất giữa công ty với những đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</li> <li>- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</li> <li>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</li> </ul> <p>rờng hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p>	<p>tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán và soát xét gần nhất giữa công ty với những đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</li> <li>- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</li> <li>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc</p>	
--	---	--



	<p>giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo từ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p>	
<p>4. 5. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.</p>	<p>5. 5. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.</p>	
<p>6. <b>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>7. <b>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>b. Số thành viên Hội đồng quản trị, còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật; số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p>	

<p>d.Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p>		<p>Bỏ nội dung này</p>
<p>2.Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>2.Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.</p>	
<p><b>Điều 17. Trình báo cáo hằng năm</b></p>	<p><b>Điều 17. Trình báo cáo hằng năm</b></p>	
<p>d.Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.</p>		<p>Bỏ nội dung này</p>

<p><b>3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
<p><b>8. Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan</b></p> <p><b>c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;</b></p>	<p><b>9. Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan</b></p> <p><b>c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;</b></p>	



<p><b>10. Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</p> <p>3. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát được quy định tại Điều 18 Quy chế quản trị nội bộ công ty.</p>		<p>Bộ nội dung này</p>
<p><b>11. Điều 23. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Bản Quy chế này gồm 7 chương 23 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dầu tư CFM nhất trí thông qua ngày 25 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p>	<p>1. Bản Quy chế này gồm 7 chương 22 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dầu tư CFM nhất trí thông qua ngày 05 tháng 05 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.</p>	

Số: 12/2024/TT-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2024

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Về việc Công ty huy động vốn vay để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư CFM;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề sau:

- Thông qua việc Công ty huy động vốn vay để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty như sau:
  - Tổng giá trị vốn vay tối đa tại 1 thời điểm: 6.800.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Sáu tỷ tám trăm triệu đồng chẵn)
  - Lãi vay: 5%/năm, thanh toán lãi vay 6 tháng 1 lần
  - Đối tượng cho vay: Các cá nhân/ Tổ chức có năng lực tài chính
  - Điều kiện vay: Theo thỏa thuận tại từng thời điểm vay. Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Đại diện pháp luật quyết định các điều khoản cụ thể của các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan (kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế giao dịch, hợp đồng đó) để đảm bảo lợi ích cao nhất cho Công ty.
  - Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty
- Thời gian thực hiện: Kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đến phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.



3. Ủy quyền cho Giám đốc của Công ty quyết định thực hiện từng hợp đồng, giao dịch vay cụ thể căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và tiến hành các thủ tục liên quan đến việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch vay nêu trên.

*Kính trình Đại hội xem xét thông qua!*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN QUỐC TRUNG**







2. Thời gian thực hiện: Kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đến phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.
3. Ủy quyền cho Giám đốc của Công ty quyết định thực hiện từng hợp đồng, giao dịch vay cụ thể căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và tiến hành các thủ tục liên quan đến việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch vay nêu trên.

***Kính trình Đại hội xem xét thông qua!***

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN QUỐC TRUNG**

